

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

Số: *1088* /QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Yên Bái, ngày 26 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng khu dân cư nông thôn mới (Khu vực bệnh viện thị xã Nghĩa Lộ) xã Nghĩa Phúc, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy định một số nội dung về công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

Xét Báo cáo thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới (khu vực bệnh viện thị xã Nghĩa Lộ), xã Nghĩa Phúc, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái số 188/BC-HĐTĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng thẩm định;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới (khu vực bệnh viện thị xã Nghĩa Lộ), xã Nghĩa Phúc, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo Văn bản số 634/BQL-XD ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng thị xã Nghĩa Lộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 257/TTr-STNMT ngày 20 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng khu dân cư nông thôn mới (Khu vực Bệnh viện thị xã Nghĩa Lộ) (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng thị xã Nghĩa Lộ (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Nghĩa Phúc, thị xã

Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có các trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông vận tải; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Nghĩa Lộ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Phúc, thị xã Nghĩa Lộ; Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng thị xã Nghĩa Lộ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh;
- Chánh, Phó CVP (TH) UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Trung tâm ĐHTM tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT, NLN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Phước



CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN MỚI (KHU VỰC BỆNH VIỆN THỊ XÃ NGHĨA LỘ) XÃ NGHĨA PHÚC, THỊ XÃ NGHĨA LỘ, TỈNH YÊN BÁI
 theo Quyết định số: *1088/QĐ-UBND* ngày *26* tháng 6 năm 2023
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới (Khu vực Bệnh viện thị xã Nghĩa Lộ) xã Nghĩa Phúc, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.
- Địa điểm thực hiện dự án: xã Nghĩa Phúc, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.
- Chủ dự án: Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng thị xã Nghĩa Lộ.

1.2. Phạm vi, quy mô

- Phạm vi: Dự án được thực hiện san tạo mặt bằng với diện tích 13.700 m², trong đó có 12.314 m² đất lúa.
- Quy mô dân số tối đa Dự án: 280 người.
- Tọa độ khu vực thực hiện dự án như sau:

Điểm	Tọa độ (Hệ tọa độ VN 2000, Kinh tuyến trực 104 ⁰ 45', múi chiếu 3 ⁰)		Diện tích (m ²)
	X(m)	Y(m)	
1	2391160.83	474652.42	13.700
2	2391134.10	474712.50	
3	2390983.78	474647.48	
4	2391026.01	474565.36	

1.3 Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.3.1. Các hạng mục công trình chính

a) San tạo tổng mặt bằng: San tạo mặt bằng quỹ đất dân cư với diện tích khoảng 13.700 m², trong đó: Đất ở nông thôn là 10.350 m²; đất giao thông nội bộ và hạ tầng kỹ thuật là 3.350 m². Số lô đất dự kiến: 70 lô.

b) Hệ thống đường giao thông nội bộ: Đường giao thông nội bộ đầu nối với tuyến đường trục Quốc lộ 32. Thiết kế đường cấp A theo đường giao thông nông thôn TCVN 10380 - 2014, kết hợp với tiêu chuẩn 104:2007.

- Đoạn tuyến đường Quốc Lộ 32 mở rộng: Tổng chiều dài đoạn tuyến L=316,89 m. Cắt ngang đường thiết kế: Bề rộng nền đường mở rộng B_{nền} = 7,5 m (trong đó: Bề rộng mặt đường B_{mặt} = 2,5 m; bề rộng vỉa hè B_{vh} = 1,0 m x 5,0 m = 5,0 m); độ dốc ngang mặt đường i=2%; độ dốc ngang vỉa hè I_{vh}=1% (hướng



to tim đường). Kết cấu áo đường thiết kế là kết cấu áo đường mềm: Bê tông nhựa mặt đường Eyc 12,5 dày 6 cm; tưới nhựa dính bám TCN 1,0 kg/m²; cấp phối đá dăm loại 1 và loại 2 dày 15 cm; đất nền dưới lớp cấp phối đá dăm đầm chặt K98 dày 50 cm đối với nền đắp (dày 30 cm đối với nền đào); nền đường đắp đất K90 (sau khi bóc 1 lớp đất hữu cơ dày 50 cm).

- Đường nội bộ: Tổng chiều dài L= 293,66 m gồm:

+ Đoạn từ cọc TD1 đến TC2 kết cấu nền đường đất đắp đầm chặt K98 dày 50 cm. Bề rộng nền đường $B_{nền} = 10,50$ m (trong đó: Bề rộng mặt đường $B_{mặt} = 7,5$ m; Bề rộng vỉa hè $B_{vh} = 1,0$ m x 3,0 m = 3,0 m). Độ dốc ngang mặt đường $i=2\%$; độ dốc ngang vỉa hè $I_{vh}=1\%$ (hướng vào tim đường).

+ Đoạn từ cọc TC2 đến TD3 kết cấu nền đường đất đắp đầm chặt K98 dày 50 cm. Bề rộng nền đường $B_{nền} = 13,50$ m (trong đó: Bề rộng mặt đường $B_{mặt} = 7,5$ m; bề rộng vỉa hè $B_{vh} = 2,0$ m x 3,0 m = 6,0 m). Độ dốc ngang mặt đường $i=2\%$; độ dốc ngang vỉa hè $I_{vh}=1\%$ (hướng vào tim đường).

+ Đoạn từ cọc TD3 đến TC4: Bề rộng nền đường mở rộng $B_{nền} = 10,50$ m (trong đó: Bề rộng mặt đường $B_{mặt} = 7,5$ m; Bề rộng vỉa hè $B_{vh} = 1,0$ m x 3,0 m = 3,0 m). Độ dốc ngang mặt đường $i=2\%$; độ dốc ngang vỉa hè $I_{vh}=1\%$ (hướng vào tim đường). Kết cấu áo đường thiết kế là kết cấu áo đường mềm: Bê tông nhựa mặt đường Eyc 12,5 dày 6,0 cm; tưới nhựa dính bám TCN 1,0 kg/m²; cấp phối đá dăm loại 1 và loại 2 dày 15 cm; đất nền dưới lớp cấp phối đá dăm đầm chặt K98 dày 50 cm đối với nền đắp (dày 30 cm đối với nền đào).

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hành lang, công, rãnh thoát nước, rãnh dọc, bó vỉa, vỉa hè; hệ thống điện sinh hoạt; nước sinh hoạt; hệ thống xử lý nước thải và các hạng mục phụ trợ tại quỹ đất khu dân cư.

- Các hoạt động của dự án gồm hoạt động thi công xây dựng, vận hành công trình (quá trình sinh hoạt của các hộ dân cư trong khu vực và hoạt động của các phương tiện giao thông,...).

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án thực hiện chuyển đổi 12.314 m² đất trồng lúa.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động thu hồi, đền bù giải phóng mặt bằng.
- Phát quang thảm thực vật.
- Đào, đắp, san tạo mặt bằng.
- Hoạt động vận chuyển đất đắp và nguyên vật liệu.
- Hoạt động của các máy móc, phương tiện thi công và sinh hoạt của cán bộ, công nhân trên công trường.



- Hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án.

Các hoạt động nêu trên phát sinh bụi, tiếng ồn, khí thải, nước thải, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

2.2. Trong giai đoạn hoạt động

- Hoạt động sinh hoạt của người dân trong khu vực dự án.
- Hoạt động thương mại, dịch vụ trong khu vực dự án.
- Hoạt động của các phương tiện giao thông.
- Hoạt động duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng các hạng mục, công trình.
- Hoạt động thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Các hoạt động nêu trên phát sinh bụi, tiếng ồn, khí thải, nước thải, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân thi công trên công trường với lưu lượng khoảng 1,8 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là Nhu cầu oxy sinh học (BOD₅), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO₄³⁻), tổng Coliforms.

- Nước thải thi công xây dựng: Phát sinh từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công với lưu lượng khoảng 1,7 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là chủ yếu là chất rắn lơ lửng và dầu mỡ khoáng.

- Nước mưa chảy tràn: Phát sinh từ quá trình nước mưa rơi trên bề mặt công trường thi công xây dựng với lưu lượng phát sinh khoảng 31,5 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng dầu mỡ khoáng. Ngoài ra, nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn, đất đá,...

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của người dân với lưu lượng khoảng 28 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là nhu cầu oxy sinh học (BOD₅), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO₄³⁻), tổng Coliforms.

- Nước mưa chảy tràn: Phát sinh trên bề của dự án với lưu lượng phát sinh khoảng 69,9 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là tổng chất rắn lơ lửng (TSS), bùn, đất đá,...



2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông và máy móc thi công; quá trình đào đắp, san nền, bốc xúc và vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu; xây dựng các hạng mục công trình của dự án. Thành phần chủ yếu là bụi, CO, NO_x, SO₂,...

b) Giai đoạn hoạt động: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông, khí thải từ quá trình đun nấu,... Thành phần chủ yếu là bụi, CO, NO_x, SO₂, bụi,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân trên công trường với tổng khối lượng phát sinh khoảng 16,2 kg/ngày.

- Chất thải rắn xây dựng: Vật liệu xây dựng thải phát sinh từ quá trình thi công với tổng khối lượng khoảng 3,33 tấn/giai đoạn.

- Sinh khối phát sinh từ phát dọn thực bì: Tổng lượng sinh khối phát sinh khoảng 2,08 tấn/ngày. Thành phần chủ yếu là cành, lá, rễ cây.

b) Giai đoạn hoạt động

- Chất thải rắn sinh hoạt: Từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của người dân với tổng khối lượng khoảng 252 kg/ngày.

- Bùn thải từ trạm xử lý nước thải tập trung với khối lượng khoảng 8,75 kg/ngày.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của chất thải nguy hại (CTNH)

a) Giai đoạn thi công xây dựng: Phát sinh trong hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, thiết bị, máy móc thi công xây dựng trên công trường với khối lượng 0,17 tấn/giai đoạn. Thành phần chủ yếu là giẻ lau, găng tay; bóng đèn huỳnh quang thải; vỏ chai đựng dầu nhớt; ắc quy hỏng; các bộ phận hỏng của máy móc có dính dầu, mỡ;...

b) Giai đoạn hoạt động: Phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt, kinh doanh với tổng khối lượng phát sinh khoảng 0,94 tấn/năm. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, pin, dầu mỡ thải; giẻ lau dính dầu,.....

3.3. Tiếng ồn, độ rung

3.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng: Tiếng ồn, độ rung phát sinh chủ yếu từ các máy móc, thiết bị thi công xây dựng và hoạt động của phương tiện vận chuyển.

3.3.2. Giai đoạn hoạt động: Tiếng ồn, độ rung phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của người dân trong khu đô thị; các phương tiện, thiết bị, máy móc của người dân, khách vãng lai trong khu đô thị.

3.4. Các tác động môi trường khác và sự cố môi trường của dự án

- Chuyển đổi mục đích sử dụng đất: Dự án chuyển 12.314 m² đất chuyên trồng lúa nước. Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất phục vụ cho dự án ảnh hưởng, tác động đến sinh kế, đời sống của các hộ dân có đất bị thu hồi.

- Nguy cơ sạt lở đất đá ra hệ thống kênh mương xung quanh khu vực án trong quá trình san tạo mặt bằng.

- Các sự cố có thể xảy ra trong giai đoạn thi công và vận hành dự án: sự cố do thiên tai (muru bão, lũ lụt); sự cố cháy nổ; vỡ, hỏng đường ống cấp, thoát nước, sự cố của trạm xử lý nước thải...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí 01 nhà vệ sinh di động gồm 2 buồng vệ sinh (kích thước dài x rộng x cao = 2,05 m x 1,45 m x 2,85 m; được làm từ vật liệu composite; hầm tự hoại 3 ngăn lọc cỡ lớn 1.600 lít) đặt gần khu vực lán trại của dự án. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng để hút đem đi xử lý theo đúng quy định.

- Nước mưa chảy tràn: Trong quá trình đào đắp tạo mặt bằng, phân chia khu vực thoát nước, bố trí rãnh thoát nước mưa (kích thước rộng x sâu = 0,6 m x 0,6 m) và hố ga (kích thước dài x rộng x sâu = 0,8 m x 0,8 m x 0,8 m, khoảng cách trung bình 40 m/01 hố). Nước mưa sau thu gom, lắng cặn được thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực. Định kỳ sau mỗi đợt mưa đơn vị tiến hành nạo vét bùn đất trong rãnh thoát nước và hố thu.

- Nước thải thi công xây dựng: Bố trí hố lắng sơ bộ 02 ngăn (kích thước mỗi ngăn dài x rộng x sâu = 3,0 m x 2,0 m x 1,0 m) để thu gom nước thải thi công, tại hố lắng có đặt vách ngăn để thu váng dầu, tách cặn rắn lơ lửng trước khi xả ra ngoài môi trường.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước thải sinh hoạt: Chủ đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng 01 trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung nhằm thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh với công suất 30 m³/ngày đêm. Các hộ gia đình trong quá trình xây dựng phải đầu tư xây dựng bể tự hoại 03 ngăn để thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt sơ bộ, toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt sau đó theo hệ thống ống thu gom nước thải về trạm xử lý nước thải sinh hoạt.

+ Thông số kỹ thuật trạm xử lý nước thải như sau:

STT	Thông số	Kích thước (dài x rộng x cao) m	Thể tích (m ³)
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI - 30 m³/ngày đêm			
1	Song chắn rác	0,6 x 0,6	-



Thông số	Kích thước (dài x rộng x cao) m	Thể tích (m ³)
Bể thu gom (kết hợp chắn rác)	4 x 2,5 x 2	20
3 Bể tách dầu mỡ	4,445 x 1,75 x 2	15,56
4 Bể điều hòa	4,445 x 2,125 x 2	18,89
5 Cụm bể sinh học (thiếu khí - hiếu khí)		
5.1 Ngăn thiếu khí (Anoxic)	2,635 x 2,125 x 2	11,2
5.2 Ngăn hiếu khí (Oxic)	3,7, x 2,125 x 2	15,725
5.3 Bồn hóa chất sinh dưỡng	-	500,0 lít
6 Bể lắng	2,71 x 1,75 x 2	9,485
7 Bể trung gian kết hợp khử trùng	1,96 x 1,75 x 2	6,86
8 Bồn hóa chất khử trùng	-	500,0 lít
9 Bể chứa bùn	2,635 x 1,75 x 2	9,2
10 Bể sự cố	6 x 3 x 2	36

+ Quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại 03 ngăn tại các hộ gia đình theo đường ống dẫn thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 30 m³/ngày đêm, gồm: bể thu gom, bể tách dầu mỡ, bể điều hòa, bể thiếu khí, bể hiếu khí, bể lắng. Cuối cùng nước thải được dẫn về bể trung gian kết hợp khử trùng trước khi thải ra ngoài môi trường, hóa chất khử trùng là NaOCl. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được bơm sang bể chứa và nén bùn, định kỳ thuê đơn vị có năng lực để thu gom, xử lý. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A (hệ số K=1,2) trước khi thải ra ngoài môi trường.

+ Hóa chất sử dụng: NaOCl.

+ Vật liệu sử dụng: Giá thể MBBR, mật rỉ đường.

- Nước mưa chảy tràn: Xây dựng tuyến rãnh thoát nước cho dự án và khu vực đường QL32 mở rộng, nước mưa sẽ theo các cửa thu về các rãnh thoát nước mặt đường sau đó qua các công thoát nước ngang qua đường chảy về hệ thống thoát nước khu vực.

+ Rãnh dọc thoát nước: Rãnh thoát nước mặt đường mép trong hành lang đường với chiều dài 555,63 m (kích thước rãnh rộng x cao = 0,6 m x 0,8 m, kết cấu bê tông M200# dày 15 cm, đáy rãnh đệm cát dày 3 cm). Mặt rãnh đặt tấm bản (kích thước dài x rộng x cao = 1,0 m x 0,9 m x 0,1 m, kết cấu tấm bản bê tông cốt thép M250#).

+ Hồ thu: Bố trí hồ thu (kích thước dài x rộng x cao = 0,6 m x 0,34 m x 0,41 m), kết cấu bê tông M200# dày 15 cm). Dầm ngang đỡ tấm ngang (kích thước dài x rộng x cao = 0,6 m x 0,1 m x 0,12 m, kết cấu bê tông M200#). Rãnh

thu (kích thước rộng x cao = 0,6 m x 0,45 m, kết cấu bê tông M200# dày 15 cm), tấm bản đáy rãnh (kích thước dài x rộng x cao = 0,9 m x 0,61 m x 0,1 m, kết cấu tấm bản bê tông cốt thép M250#).

+ Công ngang đường: Công thoát nước qua đường (05 công) được thiết kế vĩnh cửu tải trọng H13-X60 (kích thước rộng x cao = 0,6 m x 0,8 m). Kết cấu bê tông M200# dày 30 cm, cát đệm đáy công dày 5 cm, xà mũ công bê tông cốt thép M250#. Tấm bản đáy công (dài x rộng x cao = 1,0 m x 0,8 m x 0,12 m, kết cấu bê tông cốt thép M250#).

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường tại khu vực thực hiện dự án như: Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho người lao động; vệ sinh phương tiện trước khi ra khỏi dự án (tiến hành phun rửa tất cả các xe vận chuyển trước khi ra khỏi công trường); các phương tiện vận chuyển (nguyên vật liệu) phải có bạt che phủ; sử dụng các phương tiện thi công, vận chuyển còn niên hạn sử dụng và được đăng kiểm theo quy định; kiểm định thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ đối với các máy móc, thiết bị thi công, vận chuyển theo quy định; hạn chế sử dụng đồng thời nhiều máy móc, thiết bị thi công trong cùng một thời điểm; phun tưới nước trên mặt bằng khu vực có hoạt động thi công với tần suất tối thiểu 02 lần/ngày (vào thời điểm thời tiết hanh khô); bố trí công nhân vệ sinh trên công trường để thường xuyên quét dọn mặt bằng công trường, dọn dẹp đất cát rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển đổ thải; không tập trung phương tiện vận chuyển vào các thời điểm từ 6 giờ sáng, 12 giờ đến 13 giờ và sau 18 giờ chiều hàng ngày.

- Giảm thiểu tác động từ tưới nhựa đường trong quá trình thi công đường nội bộ: Yêu cầu người lao động phải sử dụng các trang bị bảo hộ lao động thích hợp trong khi suốt quá trình tưới nhựa đường như: Khẩu trang, găng tay chống nhiệt có măng sặt cài khít cổ tay; mang bảo vệ mắt và mặt. Quần áo bảo hộ lao động có măng sặt đầy đủ dài trùm qua cổ găng tay, ống quần dài đủ trùm qua cổ giày bảo hộ lao động. Giày bảo hộ lao động đế mềm, cách nhiệt, mũi cứng. Mũ cứng, có dải che gáy. Quần áo bản do dính nhựa đường cần được loại bỏ hay giặt khô để tránh việc nhựa đường thấm vào quần áo bên trong.

b) Giai đoạn hoạt động

- Trồng cây xanh trên vỉa hè dọc theo các tuyến đường và trong khu vực dự án. Cây xanh có tác dụng giảm tiếng ồn, sóng âm, giữ lại bụi, điều hòa không khí cũng như tạo mỹ quan đẹp cho khu vực dự án.

- Yêu cầu các phương tiện ra vào khu vực dự án tuân thủ các quy định.

- Khí thải phát sinh do quá trình đun nấu của người dân sinh sống tại Dự án: Tuyên truyền, vận động, khuyến cáo các hộ dân hạn chế sử dụng bếp than, bếp tổ ong trong nấu ăn. Tuyệt đối không nấu ăn tại khu vực hành lang và khu vực công cộng. Tuyên truyền với các hộ dân sinh sống trong dự án đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường.



Mùi, khí từ trạm xử lý nước thải: Tuân thủ các yêu cầu thiết kế; xây dựng trạm xử lý bảo đảm không ảnh hưởng đến chủ sử dụng đất xung quanh. Mùi khí sinh từ các bể của hệ thống sẽ được thu gom và xử lý qua tháp xử lý công suất 200-250 m³/h trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Yêu cầu nồng độ bụi, khí thải khu vực dự án đạt QCVN 05:2013/BTNMT
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt: Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại công trường được thu gom, lưu giữ bằng 02 thùng rác có nắp đậy bằng composite, dung tích mỗi thùng 200 lít. Chất thải có thể tái chế được bán cho đơn vị thu mua phế liệu; phần chất thải không thể tái chế thì hợp đồng với Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị thị xã Nghiã Lô định kỳ đến thu gom, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Gạch vỡ, cát, bê tông vỡ,... được thu gom tập kết tại khu tập kết chất thải xây dựng sử dụng bạt phủ sau đó tận dụng lại để cứng hoá bề mặt khu vực thi công xây dựng. Đối với các loại chất thải như sắt thép, giấy vụn, bìa carton, bao xi măng... bán tái chế cho đơn vị thu mua phế liệu.

+ Sinh khối phát sinh từ phát dọn thực bì: Trước khi thi công, chủ đầu tư thông báo để các hộ dân có đất thuộc đối tượng phải giải phóng mặt bằng biết và chủ động thu hoạch cây, hoa màu trên đất. Phần không thu gom được thì hợp đồng với Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị thị xã Nghiã Lô định kỳ đến thu gom, xử lý.

b) Giai đoạn hoạt động

- Chất thải rắn sinh hoạt: Tại các hộ gia đình tự bố trí các thùng đựng rác để thu gom, lưu giữ, phân loại chất thải rắn sinh hoạt. Các loại chất thải được phân loại tại nguồn trước khi đem đi thu gom xử lý. Dọc tuyến đường chính bố trí các thùng thu gom chất thải chuyển ra khu tập kết rác thải tập trung của dự án (diện tích 20 m², bố trí cạnh hệ thống xử lý nước thải tập trung), sau đó hợp đồng với Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị thị xã Nghiã Lô định kỳ 01 lần/ngày thu gom và xử lý.

- Chất thải rắn thông thường:

+ Toàn bộ chất thải phát sinh từ hoạt động phát dọn, chăm sóc cây xanh, nạo vét rãnh nước, hồ thu được tận dụng bón vào các gốc cây trong diện tích cây xanh của dự án.



Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được định kỳ 3-6 tháng, lần lượt đơn vị có năng lực để thu gom, xử lý.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải nguy hại của dự án được thu gom, phân loại và lưu trữ vào các thùng chứa đặt trong kho lưu giữ tạm thời CTNH 15 m²; có biển cảnh báo kho chứa CTNH; hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại của dự án được thu gom, phân loại và lưu trữ vào các thùng chứa đặt trong kho lưu giữ CTNH 15 m² được bố trí gần khu xử lý nước thải tập trung; có biển cảnh báo kho chứa CTNH; hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng: Kiểm soát thời gian và các hoạt động xây dựng cơ bản trên công trường; sử dụng các thiết bị có mức ồn thấp; hạn chế vận hành đồng thời các thiết bị gây tiếng ồn, rung; tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy đến mức thấp nhất; bảo trì thiết bị trong suốt thời gian thi công; tắt những máy móc hoạt động gián đoạn trong trường hợp không cần thiết; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thi công; tắt cả các phương tiện và máy móc phải được đăng kiểm trước khi đưa vào sử dụng; xây dựng kế hoạch thi công hợp lý, hạn chế hoạt động đồng thời các máy móc, thiết bị xây dựng.

4.3.2. Giai đoạn hoạt động: Lập nội quy ra/vào khu vực, hạn chế sự lưu thông của các phương tiện vận tải có tải trọng lớn; bố trí các biển cảnh báo, hướng dẫn để người ra, vào khu vực dự án hạn chế bóp còi; trồng cây xanh trong khuôn viên dự án

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Đối với việc chiếm dụng đất lúa: Dự án chuyển đổi mục đích sử dụng 12.314 m² đất trồng lúa. Chủ dự án phải nộp tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định của pháp luật.

- Đối với tuyến kênh mương nội đồng giáp khu vực dự án (do Công ty TNHH Nghĩa Văn quản lý): Trong quá trình thi công hoàn trả lại kênh để không làm ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp; trong quá trình san tạo mặt bằng xây dựng kè chắn đất (kè cấu tạo hình thang, đỉnh kè rộng 0,4 m, đáy kè rộng từ 0,7 - 1,3 m, chiều cao kè thay đổi từ 0,85 m - 2,0 m, kết cấu bê tông M200) để giảm thiểu đất đá trôi sạt ra kênh mương nội đồng giáp khu vực dự án.

4.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn lao động: Công nhân tham gia lao

động trên công trường xây dựng được hướng dẫn kiến thức cơ bản về các quy định an toàn và vệ sinh lao động; các công nhân tham gia vận hành máy móc, thiết bị được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách, đúng quy trình; thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị để đảm bảo an toàn khi vận hành; trang bị cho công nhân đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động như găng tay, khẩu trang, mũ bảo hiểm, dây thắt an toàn...

- Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn giao thông: Tránh vận chuyển nguyên vật liệu vào giờ cao điểm để giảm thiểu tối đa nguy cơ tai nạn giao thông; tuân thủ luật giao thông đường bộ, kiểm soát tốc độ vận chuyển của các xe máy móc trên công trường; đặt biển cảnh báo công trường (*đoạn ra vào dự án*).

4.5.2. Giai đoạn vận hành

- Phòng chống cháy nổ từ các hộ gia đình: Tuyên truyền các hộ dân thiết kế hệ thống thông gió đảm bảo thông thoáng khí; xây dựng bảng hướng dẫn về cách xử lý sự cố khi rò rỉ khí gas và phổ biến cho các hộ dân sinh sống trong khu vực; thực hiện đúng quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy...

- Đối với sự cố công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung:

+ Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý nước thải của Dự án.

+ Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải. Trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, tạm dừng hoạt động để tiến hành kiểm tra, khắc phục sự cố, thuê đơn vị có chức năng đến hút và vận chuyển nước thải đến cơ sở có chức năng xử lý tạm thời. Sau khi khắc phục xong, tiếp tục hoạt động đảm bảo nước thải phát sinh trong quá trình vận hành của Dự án đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả thải ra môi trường.

+ Khi xảy ra sự cố, toàn bộ nước thải được thu gom đưa về bể sự cố có kích thước 6,0 m x 3,0 m x 2,0 m, sau khi khắc phục xong sự cố, toàn bộ nước thải từ bể sự cố sẽ được bơm lại trạm xử lý nước thải để xử lý đảm bảo quy chuẩn trước khi thải ra ngoài môi trường.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Giám sát chất lượng môi trường không khí

- Vị trí giám sát (*02 vị trí*): Khu vực lồi vào dự án trên trục đường QL32; phía ngoài hàng rào khu vực dự án gần khu vực Bệnh viện đa khoa khu vực Nghĩa Lộ.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, bụi tổng TSP, SO₂, CO, NO₂, tiếng ồn, độ rung.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ



quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn nơi làm việc; QCVN 26/016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

5.1.2. Giám sát môi trường nước thải xây dựng

- Vị trí giám sát (01 vị trí): Mẫu nước thải tại hồ lắng sơ bộ.
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- Thông số giám sát: pH, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), nhu cầu oxy sinh học (BOD₅), nhu cầu oxy hóa học (COD), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻), Phosphat (PO₄³⁻), tổng dầu mỡ, coliform.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B).

5.1.3. Giám sát môi trường nước mặt

- Vị trí giám sát (01 vị trí): Mẫu nước mặt tại mương thủy lợi giáp khu vực dự án.
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- Thông số giám sát: pH, nhiệt độ, BOD₅, TSS, NH₄⁺, NO₃⁻, Pb, Cd, Fe, As, PO₄³⁻, Cl, dầu mỡ tổng, Coliform.
- QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (cột B).

5.1.4. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chỉ tiêu giám sát: Nguồn thải, thành phần, lượng thải, công tác thu gom, xử lý.
- Tần suất: Hằng ngày.
- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết chất thải rắn chất thải nguy hại.

5.1.5. Giám sát sạt lở, bồi lắng

- Chỉ tiêu giám sát: Sự cố sạt lở, sạt lở.
- Tần suất: Thường xuyên.

5.2. Giám sát giai đoạn vận hành thử nghiệm

5.2.1. Giám sát nước thải

- Vị trí: Mẫu nước thải sinh hoạt sau trạm xử lý nước thải công suất 30 m³/ngày đêm.
- + Tần suất: Theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- + Thông số giám sát: pH, BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan (TDS), sunfua (H₂S), amoni (tính theo N), NO₃⁻ (tính theo N), PO₄³⁻ (tính theo P), tổng dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng Coliform.



Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B (hệ số K=1).

5.2.7. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

Thực hiện phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Định kỳ chuyển giao các loại chất thải phát sinh cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.3 Giám sát giai đoạn vận hành

5.3.1. Quản lý, giám sát hệ thống xử lý nước thải tập trung

Thường xuyên kiểm tra giám sát hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

- Vị trí giám sát: Khu vực vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thông số giám sát: Giám sát hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục.

5.3.2. Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thực hiện phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung theo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt; tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt lưu ý tuân thủ các yêu cầu cụ thể sau:

- Sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng công trình, Chủ dự án thực hiện lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho dự án, Chủ dự án thực hiện bàn giao công trình để quản lý khai thác, vận hành theo quy định. Đơn vị được giao quản lý vận hành có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung Giấy phép môi trường được cấp, đặc biệt là vận hành công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

- Các hạng mục công trình của dự án, đặc biệt là công trình bảo vệ môi trường phải được thiết kế và xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng; Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình triển khai dự án.



văn bản đề nghị bổ sung việc đầu nối 02 đường nội bộ của dự án vào phương án đảm bảo giao thông gửi Sở Giao thông vận tải xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt bổ sung đảm bảo theo quy định.

Tổ chức thi công xây dựng theo đúng tọa độ, ranh giới, diện tích và thực hiện thi công theo công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

- Thực hiện các biện pháp phòng, chống ô nhiễm nguồn nước, bảo vệ môi trường, cảnh quan, hệ sinh thái xung quanh khu vực.

- Trong quá trình hoạt động của dự án, nếu để xảy ra sự cố ảnh hưởng đến chất lượng môi trường, Chủ dự án phải tổ chức kịp thời hoạt động ứng cứu, khắc phục sự cố, thông báo khẩn cấp cho chính quyền địa phương, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan để chỉ đạo và phối hợp xử lý. Chủ dự án cam kết đền bù thiệt hại, bồi thường và khắc phục ô nhiễm môi trường khi xảy ra sự cố có liên quan đến hoạt động của dự án.

- Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện nghiêm Chương trình quản lý, giám sát, quan trắc môi trường như đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát môi trường và định kỳ báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện các yêu cầu của cơ quan chức năng trong quá trình thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về môi trường đối với dự án.

- Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra thực hiện kế hoạch quản lý môi trường, việc triển khai các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu./.